

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2414/2026/XNK-QLCD

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026

v/v: Công bố thông tin

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính bán niên năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

- Mã chứng khoán: ARM
- Địa chỉ: Số 414 đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, TP Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ/Tel: 04.38271939 – 38271351 Fax: 04.38271925
- Email: contact@airimex.vn Website: airimex.vn

9. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty tại đường dẫn: airimex.vn

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong kỳ báo cáo: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:.....

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất);.....

- Ngày hoàn thành giao dịch:.....

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên năm 2026
- Văn bản giải trình LNST thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC ✓



Đinh Ngọc Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	9 - 37

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 đã được soát xét.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không. Ngày 17/10/2005, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107934 ngày 18/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 30/01/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Tên tiếng anh: GENERAL AVIATION IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: AIRIMEX.,JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/01/2026 là: 31.112.830.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã ARM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong suốt kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Đinh Ngọc Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/6/2026)
Ông Đoàn Minh Phú	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 09/6/2026)
Ông Lê Cao Thế	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 09/6/2026)
Ông Đỗ Khắc Thanh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)
Ông Hoàng Việt Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)

Ban Kiểm soát

Bà Phan Thu Hương	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 09/6/2026)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)
Bà Tống Thị Thanh Bình	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/3/2026)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Đinh Ngọc Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Số: 342/2026/BCSX-CPA VIETNAM-NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘKính gửi:**Các Cổ đông****Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc****Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không, được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.


Nguyễn Thị Mai Hoa**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2326-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 08/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+160)	100		285.339.687.984	224.835.926.046
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	13.802.587.696	9.000.404.669
1. Tiền	111		13.802.587.696	9.000.404.669
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		234.362.391.941	200.817.378.972
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	91.459.061.794	45.510.471.850
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	74.179.216.172	74.762.623.983
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.4	69.815.658.309	81.635.827.473
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.5	(1.091.544.334)	(1.091.544.334)
IV. Hàng tồn kho	140	5.6	31.799.556.195	14.510.648.121
1. Hàng tồn kho	141		31.799.556.195	14.510.648.121
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		5.375.152.152	507.494.284
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.7	117.823.993	33.997.240
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		1.384.074.571	473.497.044
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.14	3.873.253.588	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220+240+270)	200		5.727.767.467	6.608.983.213
II. Tài sản cố định	220		5.003.075.970	5.658.533.498
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	4.864.027.583	5.379.685.111
- Nguyên giá	222		20.388.400.780	20.857.146.451
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.524.373.197)	(15.477.461.340)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	139.048.387	278.848.387
- Nguyên giá	228		2.513.380.500	2.513.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.374.332.113)	(2.234.532.113)
IV. Bất động sản đầu tư	240	5.10	183.276.101	306.408.499
1. Nguyên giá	241		14.592.093.630	14.592.093.630
2. Giá trị hao mòn lũy kế	242		(14.408.817.529)	(14.285.685.131)
VII. Tài sản dài hạn khác	270		541.415.396	644.041.216
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.7	541.415.396	644.041.216
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100+200)	280		291.067.455.451	231.444.909.259

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	(Trình bày lại) VND
C- NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		249.227.609.002	190.843.922.517
I. Nợ ngắn hạn	310		248.007.191.252	189.446.804.767
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	44.520.489.878	11.834.586.913
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	61.306.201.400	72.622.487.919
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	5.13	3.279.698.564	373.696.314
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	5.14	1.630.515.009	740.175.796
5. Phải trả người lao động	315		4.234.300.919	5.008.820.600
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316		66.500.000	67.184.013
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		131.131.312	167.131.312
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.15	56.868.043.997	77.129.152.754
11. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.16	75.277.119.697	21.086.637.668
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		693.190.476	416.931.478
II. Nợ dài hạn	330		1.220.417.750	1.397.117.750
8. Phải trả dài hạn khác	338	5.15	1.220.417.750	1.397.117.750
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.17	41.839.846.449	40.600.986.742
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.112.830.000	31.112.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.112.830.000	31.112.830.000
2. Thặng dư vốn	412		9.910.890	9.910.890
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1.473.497.115	1.473.497.115
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		9.243.608.444	8.004.748.737
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		3.691.509.739	5.184.628.409
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		5.552.098.705	2.820.120.328
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		291.067.455.451	231.444.909.259

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026
Tổng Giám đốc



Hoàng Thị Bích Hương



Nguyễn Thế Đắc



Đinh Ngọc Tùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	228.699.106.079	123.982.036.445
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		228.699.106.079	123.982.036.445
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	203.916.989.429	106.457.035.022
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		24.782.116.650	17.525.001.423
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.3	1.264.516.213	1.930.847.006
8. Chi phí tài chính	23	6.4	2.543.499.330	1.413.884.037
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		1.841.533.445	781.617.328
9. Chi phí bán hàng	25	6.5	4.517.479.448	3.536.001.415
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	11.873.007.924	10.587.624.030
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+21+22-(23+25+26)}	30		7.112.646.161	3.918.338.947
12. Thu nhập khác	31	6.6	19.354.653	7.305.000
13. Chi phí khác	32	6.6	11.699.192	31.886.917
14. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	6.6	7.655.461	(24.581.917)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		7.120.301.622	3.893.757.030
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.7	1.568.202.917	840.615.179
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		5.552.098.705	3.053.141.851
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.8	1.785	788

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Bích Hương

Nguyễn Thế Đắc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Tùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		7.120.301.622	3.893.757.030
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		947.339.926	975.366.096
- Các khoản dự phòng	03		-	1.079.850.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(430.132.787)	289.966.536
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(10.000.000)	(12.682.262)
- Chi phí đi vay	06		1.841.533.445	781.617.328
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		9.469.042.206	7.007.874.728
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(37.893.238.495)	2.040.010.564
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(17.288.908.074)	458.097.541
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		370.918.046	(19.492.509.072)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		18.799.067	(42.374.392)
- Chi phí đi vay đã trả	14		(1.841.533.445)	(781.617.328)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(928.177.755)	(675.936.295)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(925.697.000)	(286.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(49.018.795.450)	(11.772.854.254)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(168.750.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		10.000.000	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1.750.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	12.682.262
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(158.750.000)	1.762.682.262
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		87.748.349.040	362.055.861.302
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.557.867.011)	(363.685.212.721)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(205.280.750)	(3.591.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		53.985.201.279	(1.632.942.419)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		4.807.655.829	(11.643.114.411)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	9.000.404.669	26.111.721.651
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(5.472.802)	(106.462.939)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	13.802.587.696	14.362.144.301

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc





Hoàng Thị Bích Hương

Nguyễn Thế Đắc



Đinh Ngọc Tùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không. Ngày 17/10/2005, Công ty được chuyển đổi thành Công ty cổ phần có tên gọi là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100107934 ngày 18/5/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký kinh doanh thay đổi các lần và lần thứ 15 ngày 30/01/2026 do Phòng Đăng ký kinh doanh và Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp về cập nhật địa giới hành chính.

Tên tiếng anh: GENERAL AVIATION IMPORT EXPORT JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: AIRIMEX.,JSC.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 30/01/2026 là: 31.112.830.000 VND (Bằng chữ: Ba mươi một tỷ, một trăm mười hai triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Địa chỉ trụ sở chính: Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội.

Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hà Nội với mã ARM.

Số lao động của Công ty tại ngày 30/6/2026 là 81 người (Tại ngày 31/12/2025 là 85 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị chuyên dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh, lắp đặt, sửa chữa thiết bị phòng cháy chữa cháy;
- Lắp đặt, sửa chữa thiết bị điện dân dụng;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong kỳ: Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan; Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan và Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến ngày 30/6/2026, Công ty có Chi nhánh phụ thuộc như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP. Hà Nội) tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh với mã số thuế là 0100107934-001.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT/BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập khi có bất kỳ dấu hiệu hoặc bằng chứng nào cho thấy Công ty không có khả năng thu hồi hoặc khó có khả năng thu hồi đối với các khoản nợ phải thu của Công ty theo các quy định kế toán hiện hành.

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải thu là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Công ty.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

05 - 25

Nhà cửa, vật kiến trúc

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa lớn và các chi phí chờ phân bổ khác

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn, chi phí chờ phân bổ khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 06 - 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Phải trả người bán, Phải trả khác

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản của nhà cung cấp hoặc người bán (là đơn vị độc lập với người mua). Khoản phải trả người bán bao gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết);
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả này là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán phải trả cổ tức, lợi nhuận

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có Thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí lãi vay trích trước: Trích trước theo hợp đồng vay.
- Chi phí khác: Trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở hợp đồng, khối lượng công việc hoàn thành.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chờ phân bổ gồm: Doanh thu nhận trước (như: Số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng); Không bao gồm: Tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Hàng kỳ tính, xác định và kết chuyển doanh thu chờ phân bổ vào doanh thu trong kỳ phù hợp với thời gian thuê tài sản.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí đi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu mua lại và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu mua lại được ghi giảm thặng dư vốn.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của hàng hóa, dịch vụ trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp) là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (*bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (*bộ phận theo khu vực địa lý*) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu, dịch vụ vận chuyển, cho thuê văn phòng, bán hàng hoá do đó báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính đặt tại số 414, Đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Thành phố Hà Nội. Đồng thời, Công ty có Chi nhánh đặt tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hoà, Thành phố Hồ Chí Minh. Chi nhánh chỉ có nhiệm vụ điều phối hoạt động khu vực miền Nam, toàn bộ doanh thu chi phát sinh ở trụ sở chính. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	117.661.088	280.292.197
Tiền gửi không kỳ hạn (*)	13.684.926.608	8.720.112.472
Cộng	13.802.587.696	9.000.404.669

(*) *Chi tiết tiền gửi không kỳ hạn:*

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	4.612.523.686	6.022.674.595
Ngân Hàng TMCP Quân đội	4.307.186.849	196.178.292
Các đối tượng khác	4.765.216.073	2.501.259.585
Cộng	13.684.926.608	8.720.112.472

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2. Phải thu khách hàng

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	91.459.061.794	(1.091.544.334)	45.510.471.850	(1.091.544.334)
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	30.534.924.658	-	40.794.303.453	-
Công ty Cổ phần Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS	1.559.402.937	(1.091.544.334)	1.559.402.937	(1.091.544.334)
Công ty TNHH Công nghệ Kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	263.466.699	-	294.020.379	-
Công ty TNHH phục vụ mặt đất Sài Gòn - Long Thành	23.189.726.481	-	-	-
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	32.515.560.000	-	-	-
Các đối tượng khác	3.395.981.019	-	2.862.745.081	-
Cộng	91.459.061.794	(1.091.544.334)	45.510.471.850	(1.091.544.334)
<i>Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>64.304.210.652</i>	<i>-</i>	<i>42.258.576.288</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

5.3. Trả trước cho người bán

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	74.179.216.172	-	74.762.623.983	-
Công ty Cổ phần Thuận Quốc	7.689.777.988	-	2.955.734.900	-
Công ty TNHH In Thành Đô	-	-	768.483.072	-
Công ty TNHH Yahon	-	-	880.516.104	-
Công ty TNHH ALLIANZ TECHNICS	7.817.472.000	-	11.393.443.200	-
Công ty Cổ phần Cung cấp Thiết bị và Dịch vụ Bảo dưỡng Hàng Không	30.333.344.400	-	31.940.765.400	-
Aerosecure Dynamics PTE LTD	28.214.796.824	-	26.612.831.307	-
Các đối tượng khác	123.824.960	-	210.850.000	-
Cộng	74.179.216.172	-	74.762.623.983	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4. Phải thu khác

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị dự phòng
Ngắn hạn	69.815.658.309	-	81.635.827.473	-
Tạm ứng (*)	108.195.533	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	432.891.000	-	432.891.000	-
Phải thu về ủy thác xuất nhập khẩu	69.274.571.776	-	81.202.936.473	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	21.034.301.531	-	19.259.780.581	-
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	44.179.104.007	-	56.619.038.938	-
Các đối tượng khác	3.826.066.473	-	5.213.549.814	-
Phải thu khác	235.099.765	-	110.567.140	-
Cộng	69.815.658.309	-	81.635.827.473	-
<i>Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>66.445.963.684</i>	<i>-</i>	<i>76.589.528.216</i>	<i>-</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>				

(*) Tiền tạm ứng cán bộ nhân viên là khoản tiền Công ty ứng cho nhân viên để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hoặc giải quyết công việc được giao theo quy chế quản lý tài chính của Công ty.

5.5. Nợ xấu

	30/06/2026 (VND)			01/01/2026 (VND)		
	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Phải thu khách hàng Công ty CP Giáo dục Tư duy và Sáng tạo Quốc tế CMS	1.559.402.937	467.858.603	2 năm	1.559.402.937	467.858.603	2 năm
Cộng	1.559.402.937	467.858.603		1.559.402.937	467.858.603	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6. Hàng tồn kho

	30/06/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất	20.000	-	39.475.735	-
kinh doanh dở dang				
Hàng hóa	31.799.536.195	-	14.471.172.386	-
Cộng	31.799.556.195	-	14.510.648.121	-

5.7. Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	117.823.993	33.997.240
Chi phí công cụ dụng cụ	9.033.692	33.997.240
Chi phí chờ phân bổ khác	108.790.301	-
Dài hạn	541.415.396	644.041.216
Công cụ, dụng cụ	273.841.354	331.632.158
Chi phí thuê dịch vụ phần mềm quản trị doanh nghiệp	128.700.000	271.529.516
Chi phí chờ phân bổ khác	138.874.042	40.879.542
Cộng	659.239.389	678.038.456

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.8. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2026	10.957.504.903	1.032.890.030	4.788.921.499	4.077.830.019	20.857.146.451
Mua trong kỳ	-	-	-	168.750.000	168.750.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(637.495.671)	(637.495.671)
Số dư tại 30/06/2026	10.957.504.903	1.032.890.030	4.788.921.499	3.609.084.348	20.388.400.780
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2026	8.616.377.755	1.032.890.030	3.019.080.542	2.809.113.013	15.477.461.340
Khấu hao trong kỳ	331.547.722	-	198.672.534	154.187.272	684.407.528
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(637.495.671)	(637.495.671)
Số dư tại 30/06/2026	8.947.925.477	1.032.890.030	3.217.753.076	2.325.804.614	15.524.373.197
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2026	2.341.127.148	-	1.769.840.957	1.268.717.006	5.379.685.111
Tại 30/06/2026	2.009.579.426	-	1.571.168.423	1.283.279.734	4.864.027.583

Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 11.598.664.372 VND (tại ngày 31/12/2025 là 12.147.660.043 VND).

Danh mục tài sản cố định hữu hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định hữu hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Giá trị hao mòn			Giá trị hao mòn		
		Nguyên giá	lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	lũy kế	Giá trị còn lại
1	Nhà C	4.082.604.754	4.082.604.754	-	4.082.604.754	4.082.604.754	-
	Tổng cộng	4.082.604.754	4.082.604.754	-	4.082.604.754	4.082.604.754	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	<u>Phần mềm tin học</u>	<u>Tổng cộng</u>
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại 01/01/2026	2.513.380.500	2.513.380.500
Số dư tại 30/6/2026	<u>2.513.380.500</u>	<u>2.513.380.500</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại 01/01/2026	2.234.532.113	2.234.532.113
Khấu hao trong kỳ	139.800.000	139.800.000
Số dư tại 30/6/2026	<u>2.374.332.113</u>	<u>2.374.332.113</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2026	278.848.387	278.848.387
Tại 30/6/2026	<u>139.048.387</u>	<u>139.048.387</u>

Nguyên giá Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 1.115.380.500 VND (tại ngày 31/12/2025 là 1.115.380.500 VND).

Danh mục tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị tài sản cố định vô hình trở lên:

STT	Loại và tên tài sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
1	Phần mềm quản lý công văn	266.000.000	266.000.000	-	266.000.000	266.000.000	-
2	Phần mềm quản lý hàng sửa chữa	292.923.000	292.923.000	-	292.923.000	292.923.000	-
3	Phần mềm Web Portal phòng vé	324.800.000	324.800.000	-	324.800.000	324.800.000	-
4	Phần mềm quản lý kinh doanh	1.398.000.000	1.258.951.613	139.048.387	1.398.000.000	1.119.151.613	278.848.387
	Tổng cộng	<u>2.281.723.000</u>	<u>2.142.674.613</u>	<u>139.048.387</u>	<u>2.281.723.000</u>	<u>2.002.874.613</u>	<u>278.848.387</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2026
a) Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	14.592.093.630	-	-	14.592.093.630
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.592.093.630	-	-	14.592.093.630
Giá trị hao mòn lũy kế	14.285.685.131	123.132.398	-	14.408.817.529
- Nhà cửa, vật kiến trúc	14.285.685.131	123.132.398	-	14.408.817.529
Giá trị còn lại	306.408.499	(123.132.398)	-	183.276.101
- Nhà cửa, vật kiến trúc	306.408.499	(123.132.398)	-	183.276.101

Nguyên giá bất động sản đầu tư khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 8.435.473.796 VND (tại ngày 31/12/2025 là 8.435.473.796 VND).

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà cửa vật kiến trúc cho thuê khấu hao theo đường thẳng. Doanh thu và giá vốn liên quan đến Bất động sản đầu tư cho thuê trong kỳ với số tiền lần lượt là 6.793.765.274 VND và 835.598.586 VND.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cần được trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ. Tại ngày 30/6/2026, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư, chưa trình bày trên Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ Công ty, tuy nhiên dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này và giá trị thị trường, Công ty đánh giá rằng giá trị thị trường của các bất động sản đầu tư này đang cao hơn giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Danh mục bất động sản đầu tư đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng giá trị bất động sản đầu tư trở lên:

STT	Loại và tên bất động sản	Tại ngày 30/6/2026			Tại ngày 01/01/2026		
		Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại	Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại
		Nguyên giá	lũy kế		Nguyên giá	lũy kế	
1	Nhà A	6.156.619.834	5.973.343.733	183.276.101	6.156.619.834	5.850.211.335	306.408.499
2	Nhà B	3.590.472.309	3.590.472.309	-	3.590.472.309	3.590.472.309	-
3	Kho C21	4.495.958.417	4.495.958.417	-	4.495.958.417	4.495.958.417	-
	Tổng cộng	14.243.050.560	14.059.774.459	183.276.101	14.243.050.560	13.936.642.061	306.408.499

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11. Phải trả người bán

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	44.520.489.878	11.834.586.913
Công ty TNHH ALLIANZ TECHNICS	22.337.122.000	-
Công ty Cổ phần cung cấp thiết bị và dịch vụ bảo dưỡng Hàng Không	2.913.840.000	2.731.520.000
Công ty Cổ phần Thuận Quốc	2.336.446.220	9.720.000
YONGKANG GONGSHUNKAI TRADING CO.,LTD	3.016.412.905	3.031.043.056
Các đối tượng khác	13.916.668.753	6.062.303.857
Cộng	44.520.489.878	11.834.586.913
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>464.409.840</i>	<i>101.312.640</i>

5.12. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	61.306.201.400	72.622.487.919
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	-	13.935.240.000
Công ty TNHH phục vụ mặt đất Sài Gòn - Long Thành	42.061.874.400	51.284.567.919
Công ty cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	9.590.400.000	-
Các đối tượng khác	9.653.927.000	7.402.680.000
Cộng	61.306.201.400	72.622.487.919
<i>Trong đó:</i>		
<i>Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>-</i>	<i>18.231.240.000</i>

5.13. Phải trả cổ tức, lợi nhuận

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Phải trả về cổ tức, lợi nhuận	3.279.698.564	373.696.314
Cộng	3.279.698.564	373.696.314
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cổ tức, lợi nhuận là các bên liên quan</i> <i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>	<i>2.777.597.000</i>	<i>-</i>

(*) Cổ tức phải trả bao gồm 3.111.283.000 VND là cổ tức phải trả cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 và 168.415.564 VND là cổ tức chưa được trả từ các năm trước cho các cổ đông chưa thực hiện lưu ký chứng khoán tại Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và chưa đến trực tiếp Công ty làm thủ tục nhận cho đến hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.14. Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

	01/01/2026 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2026 VND
Phải nộp	740.175.796	4.025.020.424	3.134.681.211	1.630.515.009
<i>Ngắn hạn</i>	<i>740.175.796</i>	<i>4.025.020.424</i>	<i>3.134.681.211</i>	<i>1.630.515.009</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	422.067.266	1.568.202.917	928.177.755	1.062.092.428
Thuế thu nhập cá nhân	318.108.530	1.261.126.196	1.117.402.896	461.831.830
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.195.691.311	1.089.100.560	106.590.751
Phải thu	-	10.765.145.281	14.638.398.869	3.873.253.588
<i>Ngắn hạn</i>	<i>-</i>	<i>10.765.145.281</i>	<i>14.638.398.869</i>	<i>3.873.253.588</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	7.200.511.063	9.628.520.775	2.428.009.712
Thuế xuất nhập khẩu	-	3.564.634.218	5.009.878.094	1.445.243.876

5.15. Phải trả khác

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND (Trình bày lại)
Ngắn hạn	56.868.043.997	77.129.152.754
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	53.197.413.699	73.613.289.443
<i>Công ty ROHR</i>	<i>10.652.627.591</i>	<i>18.812.279.849</i>
<i>Công ty TNHH Viet Sun Global</i>	<i>4.148.189.626</i>	<i>7.058.906.586</i>
<i>Công ty International Aircraft Engineer</i>	<i>5.609.459.206</i>	<i>6.355.681.165</i>
<i>Công ty Boeing</i>	<i>7.483.154.350</i>	<i>4.025.573.564</i>
<i>Công ty ATR</i>	<i>6.738.798.443</i>	<i>9.847.733.531</i>
<i>Công ty Be Aerospace</i>	<i>2.055.910.827</i>	<i>2.379.898.033</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>16.509.273.656</i>	<i>25.133.216.715</i>
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.670.630.298	1.515.863.311
Dài hạn	1.220.417.750	1.397.117.750
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.220.417.750	1.397.117.750
Cộng	58.088.461.747	78.526.270.504
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.573.111.235</i>	<i>5.182.672.686</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)</i>		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.16. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	75.277.119.697	87.748.349.040	33.557.867.011	21.086.637.668
Vay ngân hàng	75.277.119.697	87.748.349.040	33.557.867.011	21.086.637.668
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (1)	47.427.133.324	43.484.853.576	9.905.657.920	13.847.937.668
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Chương Dương (2)	17.483.040.000	17.483.040.000	-	-
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ (3)	4.735.546.373	17.505.655.464	12.770.109.091	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - CN Đống Đa (4)	5.631.400.000	9.274.800.000	10.882.100.000	7.238.700.000
Cộng	75.277.119.697	87.748.349.040	33.557.867.011	21.086.637.668

- (1) Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2025-HĐCVHM/NHCT146-AIRIMEX ngày 08/9/2025 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không với tổng mức dư nợ vay và số dư L/C đã phát hành không vượt quá 80 tỷ VND. Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với đăng ký kinh doanh của bên vay. Thời hạn duy trì hạn mức tính từ ngày 09/01/2026 đến ngày 31/7/2026. Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh, ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Không có.
- (2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 59/26/HM/CDU-AIRIMEX kèm theo Hợp đồng cấp tín dụng số 59/26/CDU-AIRIMEX ngày 24/06/2026 giữa Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không với hạn mức 100 tỷ VNĐ. Thời hạn duy trì hạn mức cho vay đến hết ngày 23/6/2027, thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân. Mục đích sử dụng: Tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ các hoạt động đầu tư tài sản cố định. Lãi suất được xác định theo thông báo lãi suất trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Không có.
- (3) Hợp đồng cấp tín dụng số 353405.25.070.7600341.TD ngày 03/12/2025 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Điện Biên Phủ và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không với giá trị hạn mức tín dụng 130 tỷ VND trong đó hạn mức cho vay là 50 tỷ VND. Mục đích sử dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động kinh doanh thiết bị hàng không, hàng hóa phục vụ trên các chuyến bay và hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác của Khách hàng. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 12/11/2026. Lãi suất áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh chi tiết tại văn bản nhận nợ theo từng giải ngân. Tài sản đảm bảo: Không có.
- (4) Hợp đồng tín dụng số 1504-LAV-202600598 ngày 05/3/2026 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Đống Đa và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không với hạn mức cấp tín dụng là 100 tỷ VND trong đó mức dư nợ cho vay tối đa là 50 tỷ VND. Mục đích vay: Vay vốn lưu động, bảo lãnh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025-2026. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 06/02/2027, thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo: Không có.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN
Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2025	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	5.983.157.705	38.579.395.710
Lãi trong năm trước	-	-	-	5.931.403.328	5.931.403.328
Trích quỹ thưởng Người quản lý	-	-	-	(282.373.333)	(282.373.333)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(516.155.963)	(516.155.963)
Tạm ứng cổ tức năm 2025 (*)	-	-	-	(3.111.283.000)	(3.111.283.000)
Số dư tại 01/01/2026	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	8.004.748.737	40.600.986.742
Lãi trong kỳ này	-	-	-	5.552.098.705	5.552.098.705
Chia cổ tức năm 2025 (*)	-	-	-	(3.111.283.000)	(3.111.283.000)
Trích quỹ thưởng Người quản lý (*)	-	-	-	(470.935.000)	(470.935.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	-	(731.020.998)	(731.020.998)
Số dư tại 30/06/2026	31.112.830.000	9.910.890	1.473.497.115	9.243.608.444	41.839.846.449

(*) Công ty thực hiện phân phối theo Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 21/2026/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 09/6/2026 của Công ty, cụ thể như sau:

- Chia cổ tức số tiền 6.222.566.000 VND trong đó cổ tức đã tạm ứng trong năm 2025 là 3.111.283.000 VND;
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 731.020.998 VND;
- Trích quỹ thưởng người quản lý 470.935.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 (VND)		01/01/2026 (VND)	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	12.852.000.000	41	12.852.000.000	41
Ông Đào Khắc Hậu	7.777.780.000	25	7.777.780.000	25
Ông Đào Anh Hùng	3.552.930.000	11	3.552.930.000	11
Ông Lê Văn Kim	2.037.070.000	7	2.037.070.000	7
Vốn góp của đối tượng khác	4.893.050.000	16	4.893.050.000	16
Tổng	31.112.830.000	100	31.112.830.000	100

c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	31.112.830.000	31.112.830.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	31.112.830.000	31.112.830.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.111.283.000	-

d. Cổ phiếu

	30/06/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.111.283	3.111.283
Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.111.283	3.111.283
Cổ phiếu phổ thông	3.111.283	3.111.283
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/Cổ phiếu)	10.000	10.000

5.18. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	30/6/2026	01/01/2026
Ngoại tệ các loại		
Tiền gửi Ngân hàng		
USD	86.323,34	7.587,87
EUR	837,53	836,45

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu bán hàng hóa	155.538.859.357	58.985.471.000
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	31.985.234.970	24.307.117.424
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	34.381.246.478	32.972.414.709
Doanh thu dịch vụ khác	6.793.765.274	7.717.033.312
Cộng	228.699.106.079	123.982.036.445

Trong đó:

Doanh thu từ các bên liên quan
(Chi tiết tại Thuyết minh 7.1)

124.992.247.401 104.268.812.770

6.2 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	151.663.447.959	59.486.278.360
Giá vốn dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	17.623.895.722	14.587.762.915
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	33.397.995.562	31.106.027.997
Giá vốn dịch vụ khác	1.231.650.186	1.276.965.750
Cộng	203.916.989.429	106.457.035.022

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	13.491.672	12.682.262
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	430.132.787	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	820.891.754	1.918.164.744
Cộng	1.264.516.213	1.930.847.006

6.4 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí đi vay	1.841.533.445	781.617.328
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	701.965.885	342.300.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	289.966.536
Cộng	2.543.499.330	1.413.884.037

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.5 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	4.517.479.448	3.536.001.415
Chi phí vật liệu, bao bì	126.698.123	213.723.133
Chi phí đồ dùng, dụng cụ	69.835.887	75.806.180
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.831.504	162.831.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.432.162.704	1.925.368.151
Các khoản chi phí khác	1.725.951.230	1.158.272.447
Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.873.007.924	10.587.624.030
Chi phí nhân viên quản lý	4.785.774.290	4.489.191.929
Chi phí vật liệu quản lý	325.474.185	341.626.117
Chi phí đồ dùng văn phòng	88.219.148	89.384.259
Chi phí khấu hao TSCĐ	661.376.024	639.836.173
Thuế phí và lệ phí	214.165.572	233.832.125
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.800.754.293	2.190.389.266
Các khoản chi phí khác	2.997.244.412	2.603.364.161
Cộng	16.390.487.372	14.123.625.445

6.6 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác	10.000.000	-
Thanh lý công cụ, tài sản cố định	9.354.653	7.305.000
Thu nhập khác	19.354.653	7.305.000
Cộng	19.354.653	7.305.000
Chi phí khác	2.699.192	-
Lãi chậm nộp, phạt thuế, vi phạm hành chính	9.000.000	31.886.917
Chi phí khác	11.699.192	31.886.917
Cộng	7.655.461	(24.581.917)
Lợi nhuận khác	11.699.192	7.305.000

6.7 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.120.301.622	3.893.757.030
Các khoản điều chỉnh tăng	720.712.964	180.955.405
Chi phí không được trừ	720.712.964	180.955.405
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	7.841.014.586	4.074.712.435
Thuế tính theo thuế suất thuế TNDN hiện hành 20%	1.568.202.917	814.942.487
Thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	-	25.672.692
Điều chỉnh Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	1.568.202.917	840.615.179
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.568.202.917	840.615.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Trình bày lại)
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.552.098.705	3.053.141.851
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm :	-	(600.977.999)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng người quản lý	-	(600.977.999)
Lợi nhuận /(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (VND)	5.552.098.705	2.452.163.852
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (cổ phiếu)	3.111.283	3.111.283
Lãi/ (lỗ)cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.785	788

- (*) Tại ngày Báo cáo, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng người quản lý. Nếu Công ty trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng người quản lý cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 trình bày lại do trong năm 2026 Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 21/2026/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 09/6/2026 của Công ty theo đó trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 731.020.998 VND và trích quỹ thưởng người quản lý là 470.935.000 VND. Do đó việc xác định lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ hoạt động kết thúc ngày 30/6/2025 được trừ đi ½ số trích trên. Lãi cơ bản trên cổ phiếu trình bày cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2025 từ 981 VND/cổ phiếu xuống còn 788 VND/cổ phiếu. Cụ thể như sau:

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Đã trình bày)	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND (Trình bày lại)	Chênh lệch VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.053.141.851	3.053.141.851	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi và thưởng người quản lý (*)	-	(600.977.999)	(600.977.999)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.053.141.851	2.452.163.852	(600.977.999)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	3.111.283	3.111.283	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	981	788	(193)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	540.391.456	165.190.439
Chi phí nhân công	16.307.830.506	14.454.681.394
Chi phí khấu hao tài sản cố định	947.339.926	975.366.096
Chi phí dự phòng	-	1.079.850.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.240.834.641	42.744.987.830
Chi phí khác	7.607.632.313	4.853.850.586
Cộng	68.644.028.842	64.273.926.345

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Ông Đào Khắc Hậu	Cổ đông lớn
Ông Đào Anh Hùng	Cổ đông lớn
Ông Lê Văn Kim	Cổ đông lớn
Ông Đoàn Minh Phú	Cổ đông lớn
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng hóa NASCO	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Cung ứng Lao động Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Tin học Viễn Thông Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tổng Công ty
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các cá nhân thân cận trong gia đình của các thành viên này	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Các giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác	Lương và thù lao	2.405.153.055	1.799.008.921

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Chi tiết như sau:

Họ và tên	Chức danh	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Hội đồng quản trị		864.873.363	513.016.500
Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch	574.860.507	429.496.500
Ông Đỗ Khắc Thanh	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)	96.670.952	27.840.000
Ông Hoàng Việt Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)	96.670.952	27.840.000
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)	96.670.952	27.840.000
Ban Kiểm soát		548.096.267	340.505.483
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 09/6/2026)	73.660.881	20.700.000
Bà Tổng Thị Thanh Bình	Thành viên	194.327.987	105.430.397
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên	280.107.399	214.375.086
Ban Tổng Giám đốc		992.183.425	945.486.938
Ông Đinh Ngọc Tùng	Tổng Giám đốc	575.996.507	457.336.500
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc	320.719.800	246.290.992
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/3/2026)	95.467.118	241.859.446
Cộng		2.405.153.055	1.799.008.921

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Mua hàng			1.168.555.480	688.617.800
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	342.728.116	302.790.611
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	98.727.272	95.727.272
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	4.200.000	-
Công ty CP Cung ứng Lao động Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	95.831.364	139.407.189
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	147.272.728	147.272.728
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	-	3.420.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn Thông Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	479.796.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Bán hàng			124.992.247.401	104.268.812.770
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	113.125.131.845	99.111.665.895
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	3.396.017.926	2.980.992.875
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	8.471.097.630	2.176.154.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Bán hàng	43.010.000.000	-
Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	1.052.217.460	-

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			64.304.210.652	42.258.576.288
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	30.534.924.658	40.794.303.453
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	817.139.295	960.502.656
Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	63.834.000	209.749.800
Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	263.466.699	294.020.379
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Bán hàng	32.515.560.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng Không Sân Bay Đà Nẵng	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	109.286.000	-
Phải thu ngắn hạn khác			66.445.963.684	76.589.528.216
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	21.034.301.531	19.259.780.581
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	44.179.104.007	56.619.038.938
Công ty Cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	-	698.760
Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	1.232.558.146	710.009.937

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.1 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Phải trả người bán ngắn hạn			464.409.840	101.312.640
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	50.760.000	50.760.000
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	413.649.840	50.552.640
Người mua trả tiền trước ngắn hạn			-	18.231.240.000
Công ty TNHH MTV suất ăn Hàng không Việt Nam	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	-	4.296.000.000
Công ty CP Dịch vụ Hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	-	13.935.240.000
Phải trả cổ tức, lợi nhuận			2.777.597.000	-
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn	Cổ tức	1.285.200.000	-
Ông Đào Khắc Hậu	Cổ đông lớn	Cổ tức	777.778.000	-
Ông Đào Anh Hùng	Cổ đông lớn	Cổ tức	355.293.000	-
Ông Lê Văn Kim	Cổ đông lớn	Cổ tức	203.707.000	-
Ông Đoàn Minh Phú	Cổ đông lớn	Cổ tức	155.619.000	-
Các khoản phải trả khác ngắn hạn			3.573.111.235	5.182.672.686
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Máy bay	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Uỷ thác	1.475.877.627	3.122.536.043
	Công ty	Ứng thuế nhập khẩu	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ Phần Dịch Vụ hàng hoá Tân Sơn Nhất	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	45.684.793	56.415.287
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội Bài	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	5.641.920	3.721.356
Công ty TNHH công nghệ kỹ thuật Hàng không Việt Nam Singapore	Công ty trong cùng Tổng Công ty	Cung cấp dịch vụ	45.906.895	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận***Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh***

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bộ phận bán hàng hóa: Bán thiết bị mặt đất, các xe vận chuyển tại sân bay, bán hàng hóa phục vụ trên chuyến bay;
- Bộ phận nhận ủy thác xuất nhập khẩu: Cung cấp dịch vụ xuất, nhập khẩu ủy thác phụ tùng vật tư máy bay;
- Bộ phận dịch vụ vận chuyển: Cung cấp dịch vụ vận chuyển;
- Bộ phận khác: Cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng; Cung cấp dịch vụ quản lý kho bãi.

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 như sau:

	Bán hàng hoá	Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu thuần	155.538.859.357	31.985.234.970	34.381.246.478	6.793.765.274	228.699.106.079
Giá vốn	(151.663.447.959)	(17.623.895.722)	(33.397.995.562)	(1.231.650.186)	(203.916.989.429)
Lợi nhuận gộp	3.875.411.398	14.361.339.248	983.250.916	5.562.115.088	24.782.116.650
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	3.875.411.398	14.361.339.248	983.250.916	5.562.115.088	24.782.116.650
Doanh thu hoạt động tài chính					1.264.516.213
Chi phí tài chính					(2.543.499.330)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng					(16.390.487.372)
Lợi nhuận khác					7.655.461
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(1.568.202.917)
Lợi nhuận trong kỳ					5.552.098.705

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 như sau:

	Bán hàng hoá	Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
Doanh thu	58.985.471.000	24.307.117.424	32.972.414.709	7.717.033.312	123.982.036.445
Giá vốn	(59.486.278.360)	(14.587.762.915)	(31.106.027.997)	(1.276.965.750)	(106.457.035.022)
Lợi nhuận gộp	(500.807.360)	9.719.354.509	1.866.386.712	6.440.067.562	17.525.001.423
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	(500.807.360)	9.719.354.509	1.866.386.712	6.440.067.562	17.525.001.423
Doanh thu hoạt động tài chính					1.930.847.006
Chi phí tài chính					(1.413.884.037)
Chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng					(14.123.625.445)
Lợi nhuận khác					(24.581.917)
Thuế thu nhập doanh nghiệp					(840.615.179)
Lợi nhuận trong kỳ					3.053.141.851

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC
ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại 30/6/2026 như sau:

	Bán hàng hoá	Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
TÀI SẢN					
Tài sản của bộ phận	178.018.494.141	78.760.589.085	7.215.264.000	1.369.599.614	265.363.946.840
Tài sản không phân bổ					25.703.508.611
Tổng tài sản					291.067.455.451
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả của bộ phận	100.688.948.172	56.938.470.797	3.727.030.805	1.351.549.062	162.705.998.836
Nợ phải trả không thể phân bổ					86.521.610.166
Tổng nợ phải trả					249.227.609.002

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2025 như sau:

	Bán hàng hoá	Nhận uỷ thác xuất nhập khẩu	Dịch vụ vận chuyển	Dịch vụ khác	Cộng
TÀI SẢN					
Tài sản của bộ phận	113.108.787.260	97.074.222.893	3.055.200.000	1.325.748.042	214.563.958.195
Tài sản không thể phân bổ					16.880.951.064
Tổng tài sản					231.444.909.259
NỢ PHẢI TRẢ					
Nợ phải trả của bộ phận	81.252.784.208	76.983.621.620	982.971.812	1.564.249.062	160.783.626.702
Nợ phải trả không thể phân bổ					30.060.295.815
Tổng nợ phải trả					190.843.922.517

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề,
Thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Kèm theo Thông tư số 99/2025/TT- BTC ngày
27/10/2025 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán giữa niên độ kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Để thông tin trên báo cáo tài chính có thể so sánh được, Công ty đã trình bày lại một số khoản mục tại ngày 01/01/2026 trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ như sau:

	Tại ngày 01/01/2026 (Trình bày lại) VND	Tại ngày 31/12/2025 (Đã trình bày) VND	Chênh lệch VND
Phải trả cổ tức, lợi nhuận	373.696.314	-	373.696.314
Phải trả ngắn hạn khác	77.129.152.754	77.502.849.068	(373.696.314)

Người lập biểu

Hoàng Thị Bích Hương

Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Đắc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Tùng



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG**

Số: 2413/2026/XNK-QLCĐ
V/v: Giải trình biến động LN sau thuế
6 tháng đầu năm 2026 tăng trên 10%
so với cùng kỳ năm trước

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không (Mã chứng khoán ARM) xin được giải trình biến động lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm năm 2026 tăng trên 10% so với cùng kỳ năm 2025, vì những lý do sau:

- Về doanh thu: Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2026 tăng 104,06 tỷ đồng tương đương tăng 82,64% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: doanh thu bán hàng tăng 96,55 tỷ đồng; doanh thu ủy thác mảng doanh thu có tỷ suất lợi nhuận cao tăng 7,68 tỷ đồng, doanh thu vận chuyển tăng 1,41 tỷ đồng; doanh thu cho thuê nhà giảm 853 triệu đồng, doanh thu dịch vụ khác biến động không nhiều.

- Về chi phí: Tổng chi phí 6 tháng đầu năm 2026 tăng 100,84 tỷ đồng tương đương tăng 82,63% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: giá vốn bán hàng hóa tăng 92,17 tỷ đồng; giá vốn dịch vụ vận chuyển tăng 2,29 tỷ đồng; giá vốn dịch vụ khác tăng 2,99 tỷ đồng. Tổng chi phí tăng phù hợp với tốc độ tăng doanh thu.

- Về lợi nhuận sau thuế: Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 5,55 tỷ đồng, tăng 2,49 tỷ đồng, tương đương tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước do nguyên nhân kể trên.

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Hàng không xin giải trình với UBCKNN, SGDCKHN và các cổ đông của công ty.

Xin trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu văn thư, QLCĐ



Đinh Ngọc Tùng